

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-PT

Ngày 12-8-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu, ông Bùi Thế Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2025/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng) bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Căn cước công dân số C1;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã V, thành phố Hải Phòng); có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1983; Căn cước công dân số 030083011400;

Địa chỉ: Số C Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Đỗ Thanh B.

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 25/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh B tại số C Y, phường H, thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do không thống nhất được với nhau về chỗ ở để ổn định cuộc sống, chị H muốn ra ở riêng nhưng anh B lại muốn vợ chồng ở cùng bố mẹ đẻ anh B nên chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại huyện N sinh sống. Đến tháng 6 năm 2019, chị H đưa con lên thành phố H thuê nhà trọ ở, thỉnh thoảng anh B có về ở cùng nhưng vợ chồng không hòa hợp, không chia sẻ được với nhau về mọi mặt cuộc sống. Từ tháng 8 năm 2021 đến nay chị H lại đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nên chị đề nghị được ly hôn với anh B; anh B mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh B cũng đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Đỗ Trọng Trí D, sinh ngày 02/4/2015 và Đỗ Phương Khánh C, sinh ngày 12/02/2017. Hiện các con chung đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn chị H và anh B đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H đang làm Trưởng phòng mua hàng tại Công ty TNHH C2 thu nhập trung bình khoảng 20.000.000 đồng/tháng; anh B đang làm Giám đốc Công ty X tư nhân với thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Anh chị đều đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ và được ông bà phụ giúp, tạo điều kiện trong việc đưa đón, chăm sóc các cháu nên có đủ điều kiện để nuôi con tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ghi ý kiến, cháu Đỗ Trọng Trí D, cháu Đỗ Phương Khánh C đều trình bày nếu bố mẹ các cháu không ở với nhau nữa thì các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Người làm chứng bà Bá Thị H1 (mẹ đẻ anh B) trình bày: Sau khi anh B, chị H kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình bà H1 nhưng chỉ được khoảng mấy tháng sau đó chị H muốn ra ở riêng không muốn sống chung cùng gia đình bà, mặc dù gia đình bà có nhà đất rộng rãi, anh B không đồng ý ra ở riêng thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện N ở cách đây khoảng 10 năm, không quan tâm đến chồng và gia đình nhà chồng. Anh B nhiều lần về đón nhưng chị H không về, vì vậy anh B phải đi lại vất vả về nhà bố mẹ đẻ chị H để thăm chị H và thăm con. Gia đình bà và anh B đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi. Nay chị H làm đơn xin ly hôn bà mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, nếu Tòa án giao con cho anh B nuôi

dưỡng gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện để chăm sóc, đưa đón con cho anh B khi anh B đi làm.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị T (là bố mẹ đẻ chị H) trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ chị H và là bố mẹ vợ anh B. Quá trình anh B, chị H chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Từ năm 2016 chị H đã về chung sống cùng ông bà sau đó lại đưa các con lên Hải Dương ở trọ. Năm 2021 khi xảy ra dịch covid 19 chị H lại cho các con về ở cùng ông bà và cho các cháu học tập tại địa phương từ đó đến nay. Khi chị H về chung sống cùng ông bà thì anh B có xuống tìm chị H về chung sống nhưng chị H không về. Nhiều năm nay anh B chỉ thỉnh thoảng về thăm chị H và các con, không quan tâm nhiều đến chị H. Ông bà cũng đã động viên anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn để chị ổn định cuộc sống. Nếu Tòa án giao hai con cho chị H nuôi dưỡng ông bà sẽ tạo mọi điều kiện để chăm sóc, đưa đón con cho chị H khi chị H đi làm.

Tại biên bản xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống vợ chồng anh B, chị H xảy ra mâu thuẫn thế nào khu dân cư và hội phụ nữ không nắm được vì anh chị không nhờ khu tiến hành hòa giải. Nay chị H xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 29/2025/HNGĐ-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng) đã quyết định: Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh B.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Đỗ Trọng Trí D, sinh ngày 02/4/2015 và Đỗ Phương Khánh C, sinh ngày 12/02/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 30/5/2025, anh Đỗ Thanh B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh B xác định hoàn toàn đồng ý ly hôn chị H, không kháng cáo về quan hệ hôn nhân, chỉ kháng cáo về quan hệ con chung. Anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D do cháu D có nguyện vọng ở với anh; giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh B có điều kiện nuôi con tốt, có sự hỗ trợ của bố mẹ anh B. Anh B cung cấp đơn đề nghị của cháu D có nguyện vọng ở với anh B.

Chị H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh B, xác định hiện cháu D vào lớp 5 là lớp chuyển cấp, nếu giao con cho B nuôi dưỡng sẽ phải chuyển trường cho cháu D sẽ ảnh hưởng đến quá trình học tập, sinh hoạt của con.

Thẩm phán chủ tọa và Kiểm sát viên đã trực tiếp gặp gỡ trao đổi với cháu D tại phòng thân thiện của Tòa Gia đình và người chưa thành niên, cháu D thể hiện ý kiến đề nghị được ở với chị H và trình bày việc cháu có đơn đề nghị được ở với anh B là do anh B yêu cầu cháu viết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh B trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của anh B:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 25/11/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất về chỗ ở khiến anh chị xảy ra tranh cãi. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm với nhau. Bản thân anh B cũng xác định cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh chị đã thuê nhà ở riêng nhưng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên chị H lại tiếp tục đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở, nhiều lần anh xuống đón nhưng chị H không về. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Anh B mong muốn vợ chồng thông cảm, chia sẻ để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng xuyên suốt quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án đến ngày xét xử phúc thẩm, anh cũng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Trường hợp chị H kiên quyết, anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị H và anh B là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B xác định không kháng cáo về nội dung này.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị H và anh B có 02 con chung

Đỗ Trọng Trí D, sinh ngày 02/4/2015 và Đỗ Phương Khánh C, sinh ngày 12/02/2017. Chị H và anh B đều có nguyện vọng được nuôi con xuất phát từ sự yêu thương, quan tâm đến con cái. Tuy nhiên, việc quyết định giao con chung chưa thành niên cho một bên trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cần được xem xét khách quan, toàn diện về mọi mặt trên cơ sở đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chung. Chị H và anh B đều có công việc, thu nhập ổn định. Cả hai anh chị hiện vẫn chung sống cùng với bố mẹ đẻ, gia đình hai bên có thể hỗ trợ được cho anh chị trong việc chăm sóc con chung. Do vậy, cả chị H và anh B đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Xét về thực tế, hiện nay cháu Đỗ Trọng Trí D và Đỗ Phương Khánh C đang sinh sống, học tập ổn định tại xã V, các cháu cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Qua xác minh tại trường tiểu học Q nơi các cháu đang học tập thể hiện hiện nay các cháu phát triển ổn định, mạnh khỏe và toàn diện.

Tại cấp phúc thẩm anh B có xuất trình đơn đề nghị của cháu Trí D đề nghị được ở với anh B, tuy nhiên khi Thẩm phán và Kiểm sát viên trực tiếp gặp cháu D cháu D trình bày ý kiến mong muốn được ở với mẹ, việc cháu D viết đơn đề nghị được ở với bố là do anh B bảo cháu viết. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, Tòa án cấp sơ thẩm giao cả hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi phù hợp với nguyện vọng của con chung; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh B thuận tình ly hôn nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 thì mỗi bên đương sự phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên anh B phải chịu án phí sơ thẩm là có thiếu sót. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, chị H tự nguyện chịu cả tiền án phí cho anh B, đây là tình tiết mới, cấp phúc thẩm cần sửa phần án phí sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Thanh B. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025

của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng).

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh B.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Đỗ Trọng Trí D, sinh ngày 02/4/2015 và Đỗ Phương Khánh C, sinh ngày 12/02/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001227 ngày 18/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, thành phố Hải Phòng). Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Đỗ Thanh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003401 ngày 13/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng). Anh B đã nộp đủ án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu